

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Vũ.

2. Ông Đào Hoàng Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh G; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện T, tỉnh G; Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông Đ kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh G (Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 20/7/2011). Ông bà chung sống hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến sống ly thân. Trong quá trình chung sống ông bà không có con chung, không tài sản chung và không nợ chung.

Bị đơn ông Đặng Hoàng Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn ông Đặng Hoàng Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định. Bà N và ông Đ đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, hiện tại mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà N được ly hôn với ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N và ông Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh G nên pháp luật công nhận ông Đ, bà N là vợ chồng; bà N có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn là ông Đặng Hoàng Đ cư trú tại ấp G, xã B, huyện T, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để xem xét nguyện vọng của các bên, tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng ông Đ đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[2] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Đặng Hoàng Đ nên xác định quan hệ pháp luật vụ án giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Hoàng Đ là tranh chấp về việc “Ly hôn”.

[3] Bà N và ông Đ đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được khoảng 03 - 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn; bà N trình bày là do cuộc sống không hòa hợp, hay cự cãi nên tình cảm ngày càng rạn nứt, cuộc sống không còn hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà, chính quyền địa phương cũng xác nhận ông bà đã mâu thuẫn nhiều năm nay, bà N đã bỏ đi ở riêng

đã lâu, ông Đ cũng thường xuyên vắng nhà, bà N có nộp đơn đề địa phương giải quyết. Tuy nhiên, chính quyền có mời ông Đ hòa giải nhưng ông Đ không đến dự.

Ông Đ vắng mặt trong các buổi hòa giải và vắng mặt phiên tòa không lý do là tự đánh mất quyền trình bày ý kiến, quyền tranh luận tại phiên tòa, cũng như cơ hội được hàn gắn.

Xét thấy, ông Đ, bà N đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, hiện nay mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà N yêu cầu ly hôn là chính đáng; Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị cho bà N được ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho bà N được ly hôn với ông Đ.

[4] Bà N trình bày giữa bà N và ông Đ không có con chung, không tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Đặng Hoàng Đ.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004253 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận